

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo  
Chương trình tiên tiến"

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Căn cứ Điều lệ các trường đại học ban hành theo quyết định số 158/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010;

Căn cứ "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đại học và Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo Chương trình tiên tiến.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho sinh viên học theo Chương trình tiên tiến.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng Đại học và Sau Đại học, Trưởng phòng Công tác chính trị-Sinh viên, Trưởng các khoa và bộ môn, Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu DH&SDH, VP CTTT

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Trần Đình Kiên

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2010

## QUY CHẾ

**Đào tạo đại học hệ chính quy theo Chương trình tiên tiến**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1147 ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ-Địa chất)*

### Chương 1

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo Chương trình tiên tiến của trường Đại học Mỏ-Địa chất, được thực hiện theo nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của chính phủ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy của trường Đại học Mỏ-Địa chất tham gia học theo Chương trình tiên tiến bằng tiếng Anh, đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ.

##### **Điều 2: Chương trình giáo dục đại học**

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần.

2. Chương trình được xây dựng dựa trên cơ sở khung chương trình gốc đã được thoả thuận giữa trường đại học Mỏ - Địa chất với trường đối tác và bổ sung một số học phần bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên sẽ thực hiện khoá học bằng tiếng Anh. Các học phần bắt buộc theo quy định của Nhà nước Việt Nam học bằng tiếng Việt.

Chương trình được tổ chức giảng dạy phù hợp với kế hoạch đào tạo của trường Đại học Mỏ - Địa chất và trường đối tác để đảm bảo cho sinh viên có điều kiện hoàn thành tốt khoá học.

### **Điều 3: Học phần, tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút. Giữa hai tiết học liên tục được nghỉ 5 hay 10 phút theo quy định.

### **Điều 4. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đó được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đó tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

### **Điều 5: Tuyển sinh**

#### **1. Đối tượng tuyển sinh:**

- Sinh viên trúng tuyển vào hệ chính qui trong kì thi tuyển sinh đại học và sinh viên được tuyển thẳng theo qui định của Bộ GD&ĐT Việt Nam vào trường Đại học Mỏ - Địa chất;
- Sinh viên thi đại học khối A, đang theo học tại các trường đại học trong cả nước.

#### **2. Điều kiện tuyển sinh:**

- Đáp ứng yêu cầu về điểm thi đầu vào và trình độ tiếng Anh theo yêu cầu của chương trình tiên tiến của trường Đại học Mỏ - Địa chất .
- Tự nguyện tham gia học và chấp hành đầy đủ các quy định của Chương trình tiên tiến.

#### **3. Phương thức tuyển sinh**

- Lập danh sách sinh viên đăng kí tham gia chương trình;
- Tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh của sinh viên đã đăng kí.
- Số lượng tuyển sinh cho Chương trình tiên tiến được xác định theo yêu cầu cụ thể trong số chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Mỏ-Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển.
- Sinh viên trúng tuyển và theo học Chương trình tiên tiến phải cam kết thực hiện các qui định của chương trình:
  - + Hoàn trả kinh phí khi tự ý không tiếp tục theo học chương trình.
  - + Sau năm thứ nhất sẽ kiểm tra lại trình độ tiếng Anh, nếu không đạt yêu cầu theo qui chế đào tạo thì chuyển sang học các ngành đào tạo tương ứng hoặc ngành đào tạo khác của trường Đại học Mỏ-Địa chất tùy theo điều kiện cụ thể.

### **Điều 6: Nhiệm vụ và quyền hạn của sinh viên**

Nhiệm vụ và quyền hạn của sinh viên như quy định trong “Đề án Đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường Đại học của Việt Nam giai đoạn 2008 – 2015” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2008. Một số điểm cụ thể như sau:

**- Nhiệm vụ:**

- + Thực hiện tốt quy chế đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và các quy định của Nhà trường.
- + Thường xuyên khai thác tài liệu từ thư viện điện tử và các nguồn học liệu mở phục vụ học tập.
- + Từng bước tham gia công tác nghiên cứu khoa học.
- + Thực hiện nghĩa vụ đóng học phí và các khoản đóng góp khác theo qui định.

**- Quyền lợi:**

- + Được cung cấp đầy đủ thông tin về học tập và nghiên cứu khoa học của chương trình.
- + Được ưu tiên bố trí thời gian thực hành, thí nghiệm ở các phòng thí nghiệm của trường, sử dụng các nguồn tư liệu, phương pháp thiết bị hiện đại, phương pháp giảng dạy tiên tiến và các cơ hội trao đổi sinh viên với đối tác nước ngoài.
- + Những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi của chương trình đào tạo tiên tiến sẽ được ưu tiên xét chuyển tiếp sinh ở trong và ngoài nước theo các chương trình học bổng của nhà nước, kể cả chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ.
- + Sinh viên được tham gia các hình thức sinh hoạt Đảng, Đoàn, Hội sinh viên... và là thành viên của các tổ chức này theo qui định chung của sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Trường Đại học Mở-Địa chất tổ chức đào tạo Chương trình tiên tiến theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo thiết kế theo chương trình tiên tiến có thời lượng 5 năm.

b) Một năm học có 3 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 12 tuần thực học và 2 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đối với sinh viên học theo chương trình

tiên tiến là 8 năm. Trường hợp không bố trí được thời gian kéo dài theo quy định, sinh viên sẽ phải chuyển sang học theo chương trình đào tạo bình thường của Nhà trường.

Phòng Đào tạo đại học cùng Văn phòng Chương trình tiên tiến phối hợp với Trường đối tác xây dựng kế hoạch đào tạo của khoá học (5 năm) và lập thời khoá biểu học tập cho từng học kỳ.

Đối với các học phần Lý luận chính trị, GDTC, GDQP, sinh viên học bằng tiếng Việt và có thể đăng kí ghi danh học chung với sinh viên thuộc hệ chính qui của nhà trường.

#### **Điều 8: Đăng ký học lại**

Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại cùng với các lớp khóa sau.

#### **Điều 9. Nghỉ ốm**

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi Trưởng Bộ môn chủ quản ngành học hoặc Trưởng phòng Đào tạo đại học muộn nhất là sau một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường; y tế địa phương hoặc của bệnh viện. Ngoài thời gian quy định, đơn xin nghỉ ốm sẽ không được chấp nhận và coi như bỏ học hay bỏ thi không có lý do.

#### **Điều 10: Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

|                           |                                                                                                               |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a) Sinh viên năm thứ nhất | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 40 tín chỉ                                                             |
| b) Sinh viên năm thứ hai  | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 40 tín chỉ đến dưới 80 tín chỉ;                                          |
| c) Sinh viên năm thứ ba   | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 80 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;                                         |
| d) Sinh viên năm thứ tư   | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 160 tín chỉ;                                        |
| đ) Sinh viên năm thứ năm  | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 160 tín chỉ đến hết khối lượng thiết kế theo chương trình đào tạo 5 năm. |

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,50 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,50, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

#### **Điều 11. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học đó trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,50. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Trường hợp không thể bố trí vào học lớp theo chương trình tiên tiến, nếu có nguyện vọng, sinh viên có thể được bố trí theo học các ngành thích hợp theo chương trình bình thường của Nhà trường.

#### **Điều 12. Chuyển sang học đại học hệ chính quy bình thường hoặc bị buộc thôi học**

1. Sau mỗi năm học, sinh viên buộc phải chuyển sang học hệ đại học chính quy bình thường khi:

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,0 hoặc điểm trung bình tích lũy đạt dưới 2,2 đối với sinh viên năm thứ nhất và dưới 2,5 đối với các năm tiếp theo;
- b) Không có khả năng tiếp thu chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa

học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp (theo thang điểm 4);

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

e) Tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Văn phòng Ban chỉ đạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

### **Chương III**

## **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

### **Điều 13. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không ít hơn 50 %.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần vừa có thực hành vừa có lý thuyết: Sinh viên không hoàn thành phần thực hành sẽ không được thi phần lý thuyết và nhận điểm F. Sinh viên sau khi hoàn thành phần thực hành mới được thi phần lý thuyết.

3. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được là điểm của học phần thực hành.

4. Sinh viên chỉ được phép thi kết thúc học phần sau khi đã hoàn thành việc đóng học phí theo quy định.

#### **Điều 14. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Sau khi kết thúc học phần hoặc kết thúc học kỳ, Trường tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

#### **Điều 15. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đó quy định trong chương trình. Đề thi có thể lấy từ ngân hàng đề, do Bộ môn chủ quản tổ chức ra đề hay giáo viên phụ trách học phần trực tiếp ra. Đối với các học phần học bằng tiếng Anh do giáo viên Việt Nam giảng dạy, đề thi phải có sự thống nhất của giáo viên trường đối tác. Giáo viên tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức thi và chấm thi theo quy định.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm và có sự phối hợp với trường đối tác. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm đánh giá học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành 4

bảng. Các bảng điểm được gửi cho Khoa, Bộ môn, Văn phòng Chương trình tiên tiến và phòng Đào tạo đại học chậm nhất một tuần sau ngày thi kết thúc học phần. Văn phòng Chương trình tiên tiến có trách nhiệm thông báo điểm thi kết thúc học phần cho sinh viên.

Văn phòng Chương trình tiên tiến có trách nhiệm quản lý điểm của sinh viên; vào điểm học của sinh viên ngay sau khi nhận được kết quả đánh giá học phần, lưu trữ kết quả điểm và chuyển file điểm về phòng Đào tạo đại học chậm nhất sau 3 ngày kể từ khi nhận được kết quả điểm.

5. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Có thời gian lên lớp đạt tối thiểu 80% thời gian qui định cho học phần đó.
- Dự đủ số lần kiểm tra theo qui định cho mỗi học phần và có ít nhất 50% số lần kiểm tra đạt yêu cầu.

- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như bỏ dự thi và phải nhận điểm F.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng phòng Đào tạo đại học cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có). Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

#### **Điều 16. Cách đánh giá kết quả học tập theo thang điểm**

1. Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm chữ như sau:

A tương ứng với 4,0 ( $A^+$  tương ứng với 4,0 và  $A^-$  tương ứng với 3,5)

B tương ứng với 3,0

C tương ứng với 2,0

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

2. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I- Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X- Chưa nhận được kết quả thi.

3. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

4. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng phòng Đào tạo đại học cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng phòng Đào tạo đại học chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo đại học chưa nhận được kết quả học tập của sinh viên.

7. Kí hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

### Điều 17. Cách tính điểm trung bình chung

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo điểm số quy đổi từ điểm chữ. tại mục a, Điều 6 và kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần.

## Chương IV

### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

#### Điều 18. Thực tập cuối khóa và làm đồ án tốt nghiệp

Học kỳ cuối khoá, sinh viên được nhận đề tài để làm đồ án tốt nghiệp và được quy định như sau:

a) Sinh viên chỉ được phép đi thực tập tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành các môn học theo quy định trong chương trình đào tạo. Đối với các học phần của 2 học kỳ cuối, nếu điều kiện chưa cho phép học lại, sinh viên được phép nợ cho đến thời điểm trước khi bảo vệ tốt nghiệp. Sau thời hạn quy định mà sinh viên không hoàn thành các môn học sẽ không được bảo vệ đồ án.

c) Phòng Đào tạo đại học cấp các quyết định đi thực tập. Bộ môn chủ quản và Văn phòng Chương trình tiên tiến quyết định giao đề tài và cho phép làm đồ án tốt nghiệp sau khi thông qua danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tại phòng Đào tạo đại học.

d) Hình thức chấm đồ án tốt nghiệp;

đ) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn: Giảng viên hướng dẫn xác định hướng đề

tài cho sinh viên và hướng dẫn sinh viên xây dựng đề cương và hoàn thành đồ án tốt nghiệp. Giảng viên chịu trách nhiệm trước Bộ môn về nhắc nhở sinh viên hoàn thành tiến độ làm đồ án và các thủ tục cần thiết khác theo quy định. Bộ môn có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu thực tập, chịu trách nhiệm thông qua đề tài tốt nghiệp và phân công giáo viên hướng dẫn, tổ chức và giám sát việc làm đồ án tốt nghiệp của sinh viên thuộc Bộ môn chủ quản, làm các thủ tục thành lập Hội đồng chấm tốt nghiệp. Văn phòng Ban chỉ đạo có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục liên quan để ra quyết định cho sinh viên làm đồ án tốt nghiệp, theo dõi và giám sát tình hình tổ chức làm đồ án tốt nghiệp của sinh viên thực hiện theo đúng kế hoạch làm đồ án tốt nghiệp của Nhà trường.

Đối với một số trường hợp đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đồ án kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Sinh viên viết và bảo vệ đồ án tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

#### **Điều 19. Chấm đồ án và bảo vệ tốt nghiệp**

1. Đồ án của sinh viên sau khi hoàn thành được người hướng dẫn cho điểm đạt yêu cầu theo quy định sẽ được giáo viên phản biện chấm. Nếu điểm chấm của giáo viên phản biện đạt yêu cầu thì đồ án mới được đưa ra bảo vệ trước Hội đồng tốt nghiệp.

2. Hội đồng tốt nghiệp có thể 3, 5 hay 7 người. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng bảo vệ tốt nghiệp và danh sách các thành viên của Hội đồng.

3. Điểm chấm đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình các điểm của người hướng dẫn, người chấm phản biện và điểm của từng thành viên Hội đồng. Điểm của đồ án tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ quy định tại khoản 1, Điều 16 của Quy chế này.

Điểm đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

4. Sinh viên có đồ án tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án tốt nghiệp.

#### **Điều 20. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- b) Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo tiên tiến;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo đại học làm Thư ký và các thành viên là các đơn vị liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

### **Điều 21. Cấp bằng tốt nghiệp**

1. Bằng tốt nghiệp đại học (song ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh) của sinh viên đào tạo theo Chương trình tiên tiến do Trường Đại học Mở - Địa chất cấp và kèm theo chứng chỉ của Trường đối tác, khi xem xét các điều kiện liên quan đến trình độ tiếng Anh và chuyên môn để học tiếp ở bậc cao hơn được coi như tốt nghiệp tại nước ngoài.

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

- a) Loại giỏi : Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã

hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

## Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

### Điều 22. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.



PGS.TS. *Trần Đình Kiên*